

Số: /KH-UBND Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030”

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch thực hiện “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030; nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội về công tác dân số trong tình hình mới, góp phần thực hiện đạt và duy trì mức sinh thay thế và đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thành phố.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai kế hoạch phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu của Trung ương, Bộ Y tế và phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của thành phố;

b) Có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa Sở, ban ngành, đoàn thể và địa phương trong tổ chức thực hiện, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành;

c) Bảo đảm nguồn lực thực hiện Kế hoạch, bao gồm nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất và chính sách hỗ trợ phù hợp; ưu tiên cho các địa bàn có mức sinh thấp;

d) Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng sinh hàng năm để đạt và duy trì mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số, phân bố dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu tăng trung bình 3% tổng tỷ suất sinh mỗi năm;

b) Trên 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế;

c) Ban hành các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con, hỗ trợ trước khi kết hôn,....

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

a) Cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức,....;

b) Người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ và các cá nhân có liên quan;

c) Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ;

d) Học sinh tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông;

đ) Cộng tác viên dân số.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

a) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn thành phố;

b) Thời gian: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển, điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gia tăng tỷ lệ sinh, chú trọng ở những địa phương có mức sinh dưới mức sinh thay thế để đạt và duy trì mức sinh thay thế;

b) Ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể về mức sinh của thành phố, hướng đến mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế;

c) Huy động Sở, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức tham gia thực hiện Kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương trong từng năm;

d) Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chuyển đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW; Luật Dân số số 113/2025/QH15; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền việc gia tăng tỷ lệ sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân;

b) Điều chỉnh các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau, tập trung vận động, khuyến khích kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế:

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức về hệ lụy của mức sinh thấp, lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với sự phát triển của gia đình và xã hội; khuyến khích phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện sinh đủ hai con, sinh con trước 35 tuổi. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đôi với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao chất lượng dân số;

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ưu tiên tuyên truyền, vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ;

- Bổ sung đầy đủ dinh dưỡng, vi chất thiết yếu cho phụ nữ mang thai nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bào thai, hạn chế thấp nhất các dị tật thai nhi, phòng chống suy dinh dưỡng và dị tật cho trẻ sơ sinh;

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, trao đổi nhằm cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và

giải đáp thắc mắc về dân số và phát triển. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ như những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao,... Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên y tế áp, khu vực nhằm nâng cao nhận thức về dân số và phát triển cho nhân dân;

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ

a) Tổ chức giám sát, đánh giá, góp ý, rà soát, sửa đổi các quy định không còn phù hợp với mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành;

b) Ban hành các chính sách hỗ trợ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế bền vững:

- Triển khai thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;...

- Thực hiện các chính sách khuyến khích sinh con áp dụng cho các gia đình, cộng đồng, ưu tiên và chú trọng đối với địa bàn có mức sinh dưới mức sinh thay thế, dân tộc thiểu số ít người;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt; đồng thời có chính sách khuyến khích không kết hôn muộn, không sinh con muộn và không sinh ít con;

c) Sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của chính sách về lao động, việc làm, nhà ở; phúc lợi xã hội; giáo dục; y tế; ... đến việc sinh ít con; xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp;

d) Nghiên cứu, ban hành các biện pháp hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi. Một số nội dung hỗ trợ, khuyến khích cần triển khai, thực hiện như sau:

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp các dịch vụ hôn nhân và gia đình: Thông qua việc thành lập và duy trì các câu lạc bộ, mô hình, cách làm hay... để tạo môi trường

nam, nữ thanh niên giao lưu, kết bạn, hẹn hò - tiến đến hôn nhân; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con;

- Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ; các dịch vụ thân thiện với người lao động như đưa, đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sĩ gia đình,... Chú trọng quy hoạch, bố trí địa điểm xây dựng các điểm trông, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ, nhất là các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị;

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sau sinh, phòng chống suy dinh dưỡng, tạo điều kiện trở lại nơi làm việc cho phụ nữ sau khi sinh con, miễn giảm các khoản đóng góp công ích theo hộ gia đình;

- Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con, ưu tiên các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trước 35 tuổi: Mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở; ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản đến mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số;

b) Xây dựng và phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, thanh niên, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước khi kết hôn... Thí điểm mô hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục, can thiệp cộng đồng. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng;

c) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp ở địa bàn vùng xa, vùng dân tộc thiểu số: Tư vấn, hỗ trợ sinh sản, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng dân số;

d) Đảm bảo đủ phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình miễn phí cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn ven biển, đảo,...

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao kiến thức cơ bản về dân số và phát triển cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên dân số đảm bảo triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số nhất là vận động tăng sinh và nâng cao chất lượng dân số

nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế, tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới tận hộ gia đình;

b) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ phụ trách công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị. Đưa nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

c) Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số và mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội nhằm điều chỉnh phù hợp mức sinh từng giai đoạn của địa phương;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội;

đ) Tiếp tục ổn định đội ngũ làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số là những người được Nhân dân tin nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này;

e) Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với địa phương. Sơ kết, tổng kết thực hiện “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030”.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được phân bổ trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, đồng thời huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch này; tổng hợp các ý kiến, đề xuất, xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định;

c) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách dân số đã được ban hành. Đồng thời, tham mưu ban hành các văn bản và chỉ

tiêu thực hiện công tác dân số trong tình hình mới, phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố theo đúng quy định. Định kỳ tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định;

d) Tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, cung cấp đầy đủ, kịp thời, an toàn các dịch vụ y tế về nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh vô sinh hiếm muộn, kế hoạch hóa gia đình,... đến người dân trên địa bàn thành phố;

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, các chính sách hỗ trợ, chỉ đạo thực hiện công tác tăng sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn thành phố theo đúng quy định;

e) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định; tổng hợp, hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất (nếu có) báo cáo kết quả về Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, phối hợp với Sở Y tế để tham mưu kinh phí thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tham mưu lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu về mức sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của thành phố.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng của Kế hoạch này.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số và phát triển, sức khỏe sinh sản phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản bảo đảm trang bị cho học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản về cơ quan sinh sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, về giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với các cơ quan báo, đài địa phương, các cơ quan báo chí Trung ương hợp tác và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và phát triển trên địa bàn thành phố.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và Sở, ban ngành, đơn vị liên quan đẩy mạnh các chương trình tạo việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tăng thời gian

sử dụng lao động ở khu vực nông thôn, góp phần khuyến khích người dân an tâm sinh con nhất là những cặp vợ chồng chưa sinh con và có một con.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Sở Y tế và Sở, ban ngành, đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc, tôn giáo thực hiện chính sách dân số, bảo đảm mức sinh thay thế. Lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các chương trình, chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Thống kê thành phố

Phối hợp với Sở Y tế và Sở, ban ngành liên quan chỉ đạo việc thu thập, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu dân số và phát triển cho các cơ quan quản lý, quy hoạch, lập kế hoạch hàng năm.

9. Sở, ban ngành thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Y tế, cơ quan có liên quan triển khai, thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

a) Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số đến hội viên, đoàn viên và người dân trên địa bàn thành phố;

b) Vận động các tổ chức, cá nhân,... hỗ trợ nguồn vốn để tạo sinh kế cho các gia đình sinh hai con có hoàn cảnh khó khăn, nhất là đối với các hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội;

c) Thực hiện chức năng giám sát trong việc thực hiện chính sách dân số trên địa bàn thành phố.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý, bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung của kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương;

b) Rà soát, đưa chỉ tiêu mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2030. Lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Chương trình với các hoạt động của các chương trình, dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện về Sở Y tế tổng hợp.

12. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030”. Đề nghị Sở, ban ngành thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Cục Dân số, Bộ Y tế (b/c);
- TT. Thành ủy; TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UB MTTQVN TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP (3AC);
- Lưu: VT, MK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Ngọc Diệp